

# Đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang một số nước trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra

TRỊNH QUANG HÙNG\*

**Tóm tắt:** Tuy còn nhiều khó khăn và thách thức nhưng đầu tư của Việt Nam sang các nước ASEAN thời gian qua có nhiều bước phát triển đáng khích lệ cả về số dự án, lượng vốn đăng ký và lĩnh vực đầu tư. Sự kiện thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào ngày 31/12/2015 được coi là dấu ấn lịch sử trong tiến trình hội nhập, liên kết kinh tế giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Trong lĩnh vực đầu tư, AEC được kỳ vọng mang lại cho doanh nghiệp Việt Nam nhiều cơ hội tiếp cận, mở rộng hoạt động đầu tư sang các quốc gia ASEAN nhưng nó cũng tạo ra những thách thức không nhỏ cho doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là sự cạnh tranh quyết liệt với các doanh nghiệp khác khi đầu tư vào ASEAN. Bài viết sẽ tập trung tìm hiểu về hoạt động đầu tư của Việt Nam tại một số nước ASEAN.

**Từ khóa:** AEC; ASEAN; doanh nghiệp; đầu tư trực tiếp ra nước ngoài; Việt Nam.

## 1. Khung khổ pháp lý cho hợp tác đầu tư trong AEC

### *Khung phổ pháp lý chung của ASEAN*

Làn sóng tự do hóa thương mại quốc tế thông qua các thỏa thuận thương mại tự do (FTA) tiếp tục diễn ra mạnh mẽ vào đầu những năm 2000 đã thôi thúc các quốc gia ASEAN đưa ra sáng kiến thành lập AEC vào năm 2020. Lộ trình thành lập AEC sau đó được rút ngắn 5 năm tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 12 ở Cebu, Philippines (2007). Mục tiêu của AEC là tạo ra các dòng lưu chuyển tự do giữa các

thành viên về hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có kỹ năng<sup>(1)</sup>, với 3 Hiệp định cốt lõi: Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA); Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS); và Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA).

Có hiệu lực chính thức từ tháng 3 năm 2012, ACIA bao gồm 49 điều và 2 phụ lục, tập trung vào 4 nội dung chính là: Tự do hóa đầu tư; Bảo hộ đầu tư; Thuận lợi hóa đầu tư; và Xúc tiến đầu tư. Kế thừa và phát triển những nội dung của Hiệp định đầu tư khu vực ASEAN (AIA) trước đó, ACIA hiện

\* Trịnh Quang Hùng, Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội

được coi là khung phổ pháp lý quan trọng nhất về đầu tư trong ASEAN.

Cụ thể, về tự do hóa, các nước ASEAN đặt mục tiêu đạt được chế độ đầu tư tự do và mở vào năm 2015 đối với các lĩnh vực: chế tạo, nông nghiệp, nghề cá, lâm nghiệp, khai mỏ, các dịch vụ phụ trợ cho các ngành trên và bất kỳ lĩnh vực nào khác nếu tất cả các thành viên đồng ý<sup>(2)</sup>. Về bảo hộ đầu tư, các nước ASEAN thực hiện bảo hộ cho tất cả các nhà đầu tư nước ngoài và các khoản đầu tư của họ được thể hiện trong ACIA. Về thuận lợi hóa đầu tư và xúc tiến đầu tư, ASEAN đưa ra các nguyên tắc, quy định, chính sách và thủ tục đầu tư minh bạch thông qua việc hài hòa hóa chính sách đầu tư, đơn giản hóa thủ tục, phổ biến các thông tin về đầu tư, tăng cường cơ sở dữ liệu đối với tất cả các hình thức đầu tư và tăng cường điều phối giữa các bộ và cơ quan Chính phủ với khu vực tư nhân để thúc đẩy đầu tư. Các nước ASEAN cam kết thực hiện nghiêm túc ứng xử quốc gia (NT), ứng xử quy chế tối huệ quốc (MFN) cũng như đưa ra các kế hoạch xúc tiến và nâng cao nhận thức về một mạng lưới sản xuất và khu vực đầu tư trong ASEAN<sup>(3)</sup>. Nói cách khác, dòng đầu tư tự do trong AEC được vận hành dựa trên cơ sở các thể chế và quy định đầu tư chung với sự phối hợp giữa các quốc gia và khu vực nhằm tạo nên một cơ sở sản xuất trong ASEAN, qua đó thu hút hơn nữa FDI và đầu tư nội khối<sup>(4)</sup>.

Dù vẫn kế thừa nhiều nguyên tắc, mục tiêu của các hiệp định, thỏa thuận đầu tư trước đó, Hiệp định ACIA vẫn có nhiều điểm khác biệt như: dành sự ưu đãi ngay lập tức cho các nhà đầu tư ASEAN và các nhà đầu tư nước ngoài tại ASEAN với thời hạn được rút ngắn vào năm 2015, thay vì

2020 như dự định ban đầu; các định nghĩa liên quan đến khu vực đầu tư ASEAN được nhìn nhận là toàn diện và phù hợp hơn với những hoạt động đầu tư đang hiện hữu; hoạt động tự do hóa đầu tư có phạm vi rộng lớn hơn nhiều so với các hiệp định trước đó<sup>(5)</sup>. Như vậy, với AEC, đặc biệt Hiệp định ACIA, các quốc gia trong và ngoài ASEAN có một khuôn khổ pháp lý toàn diện và đáng tin cậy hơn nhằm thuận lợi hóa và định hướng hoạt động đầu tư cũng như bảo đảm lợi ích chính đáng của doanh nghiệp khi đầu tư tại thị trường ASEAN.

#### *Khung phổ pháp lý của Việt Nam*

Đối với Việt Nam, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam bắt đầu từ năm 1989, sau khi Luật Đầu tư nước ngoài được Quốc hội thông qua vào năm 1987. Trong những năm đầu, đầu tư ra nước ngoài không được điều chỉnh dưới bất kỳ một văn bản pháp lý nào<sup>(6)</sup>. Phải tới năm 1996, một năm sau khi Việt Nam gia nhập ASEAN, chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam mới được thể hiện trong Nghị quyết 01-NQ-TW ngày 18/11/1996 về hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Theo đó, Việt Nam chủ trương từng bước tính đến việc đầu tư ra nước ngoài. Đến năm 1999, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/1999/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam và được coi là những pháp lý cụ thể đầu tiên cho việc đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam<sup>(7)</sup>.

Do hoạt động đầu tư ra nước ngoài ngày càng phong phú và đa dạng, Chính phủ đã ban hành Luật Đầu tư 2005, trong đó nội dung Chương VIII của Luật đầu tư bao gồm

các quy định về đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam. Đặc biệt, vào tháng 2/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 236 về khuyến khích hoạt động đầu tư ra nước ngoài, đồng thời phê duyệt “Đề án thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài đối với một số lĩnh vực ưu tiên và địa bàn trọng điểm”. Chủ trương đầu tư ra nước ngoài tiếp tục được khẳng định tại Luật Đầu tư 2014 và gần đây nhất là việc Chính phủ ban hành Nghị định số 83/2015/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài, trong đó quy định rõ trách nhiệm của cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài là làm đầu mối, phối hợp với các cơ quan khác của Việt Nam ở nước sở tại để theo dõi, hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc chấp hành các quy định pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư<sup>(8)</sup>.

Các quốc gia láng giềng trong khu vực Đông Nam Á được xác định là thị trường đầu tư ra nước ngoài trọng điểm của các doanh nghiệp Việt Nam. Quan điểm trên được thể hiện qua việc Chính phủ Việt Nam ban hành Quyết định số 482/2010 về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đối ngoại vùng biên giới Việt Nam-Lào, Việt Nam-Campuchia và Tam giác phát triển Việt Nam-Lào-Campuchia. Chính phủ cũng ban hành Chỉ thị số 26/2013 về việc chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư của nhà đầu tư tại Lào và Campuchia. Ở cấp độ thấp hơn, để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đưa ra định hướng đầu tư ra nước ngoài theo hướng ưu tiên các dự án phát huy tiềm năng từ bên ngoài phục vụ cho mục tiêu phát triển của đất nước, nhất là tại Lào và Campuchia dựa trên cơ sở lợi thế so sánh và thực lực

của các thành phần kinh tế Việt Nam.

## 2. Thực trạng đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang một số nước ASEAN

Theo số liệu cập nhật gần đây của Cục Đầu tư nước ngoài, tính đến hết năm 2015, Việt Nam đã có 1.000 dự án đầu tư tại gần 70 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt hơn 20 tỷ USD. Trong đó, Việt Nam đã đầu tư sang 8 quốc gia ASEAN với trên 500 dự án với gần 10 tỷ USD vốn đăng ký, lần lượt chiếm gần 60% và 50% tổng số dự án và số vốn đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam ra thế giới. Phần lớn các dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam tại Đông Nam Á tập trung vào ba quốc gia láng giềng là Lào, Campuchia và Myanmar (CLM). Cụ thể, tính đến ngày 31/12/2015, Việt Nam có hơn 420 dự án đầu tư tại CLM với tổng vốn đầu tư đạt hơn 8 tỷ USD, lần lượt chiếm trên 80% tổng số dự án và trên 70% tổng số vốn đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại ASEAN<sup>(9)</sup>. Tình hình đầu tư cụ thể tại từng nước như sau:

### *Đầu tư trực tiếp sang Lào*

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến cuối năm 2015, đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam vào Lào có 265 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư, tổng vốn đăng ký khoảng 4 tỷ USD, đứng thứ 3 trong số các nước và vùng lãnh thổ có hoạt động đầu tư tại Lào. Về tỷ trọng, vốn đầu tư từ Việt Nam chiếm 16% tổng FDI vào Lào và chỉ đứng sau Trung Quốc, Thái Lan trong bảng xếp hạng các quốc gia đầu tư trực tiếp lớn nhất tại nước này. Trong khi đó, Lào hiện là nước Việt Nam đầu tư ra nước ngoài lớn nhất. Tăng trưởng bình

**Bảng 1. Các quốc gia đầu tư trực tiếp lớn nhất tại Lào (tính đến 31/12/2015)**

Thứ tự	Quốc gia	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
1	Trung Quốc	2561	5484,4	22,4
2	Thái Lan	834	4491,6	18,4
3	Việt Nam	265	3947,9	16,1
4	Malaysia	103	812,5	3,3
5	Hàn Quốc	291	752,1	3,1
6	Pháp	223	490,6	2,0
7	Nhật Bản	102	438,2	1,8
8	Hà Lan	16	434,4	1,8
9	Na Uy	6	346,4	1,4
10	Anh	54	201,8	0,8

*Nguồn:* Tổng hợp và tính toán của tác giả từ dữ liệu thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam

quân giai đoạn 2011-2015 của vốn đầu tư từ Việt Nam sang Lào ở mức 5%/năm<sup>(10)</sup> (Xem bảng 1).

Về cơ cấu, đầu tư của Việt Nam sang Lào chủ yếu tập trung vào lĩnh vực năng lượng, thủy điện (26%); dịch vụ, hạ tầng (20%); nông, lâm nghiệp (23%); khai khoáng (19%); tài chính-ngân hàng (2%). Đáng chú ý, Việt Nam đã bắt đầu có nhiều dự án đầu tư sang Lào trị giá tương đối lớn như: Dự án thủy điện Xekaman 3 (311 triệu USD); Dự án cụm công nghiệp mía đường và trung tâm nhiệt điện của Hoàng Anh Gia Lai (88 triệu USD); Thỏa thuận cung cấp vốn tài chính của Ngân hàng BIDV cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại 2 tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng (200 triệu USD); Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng sân bay tỉnh Attapeu và tỉnh Hủa Phăn của Hoàng Anh Gia Lai (110 triệu USD)<sup>(11)</sup>.

Nhìn chung, các dự án đầu tư của Việt Nam tại Lào được triển khai khá thuận lợi, các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đã đóng góp vào tăng trưởng và thu ngân sách của kinh tế Lào, mang lại doanh thu cho

Lào hàng trăm triệu USD. Các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại Lào đã thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ tài chính với chính phủ Lào, tạo ra việc làm ổn định cho khoảng 3 vạn lao động của Lào, đóng góp nhiều mặt cho kinh tế - xã hội Lào, được phía Lào ghi nhận và đánh giá cao. Đầu tư từ Việt Nam đã thâm nhập vào một số lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế Lào như ngân hàng, tài chính, viễn thông, hàng không, thủy điện, kinh doanh xăng dầu, v.v... Chính phủ Lào và các cấp chính quyền địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi, dành ưu tiên, ưu đãi cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình triển khai dự án theo tinh thần của mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước. Đặc biệt, gần đây Lào đã đồng ý gia hạn MOU đối với dự án thủy điện Luông Prabang và Xekaman 4, cho phép chuyển giao dự án thủy điện Sekong 3A, 3B từ Tổng công ty Sông Đà cho Công ty cổ phần điện Việt - Lào. Trong năm 2016, Việt Nam và Lào đã ký kết Thỏa thuận về phát triển các dự án thủy điện tại Lào và mua bán điện giữa hai

nước đến năm 2030. Đây là bước tiến quan trọng trong thúc đẩy hợp tác về năng lượng giữa hai nước.

### **Đầu tư trực tiếp sang Campuchia**

Trong những năm gần đây, đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam sang Campuchia có dấu hiệu suy giảm, từ xấp xỉ 700 triệu USD năm 2011 giảm xuống 298 triệu USD năm 2013 và 88 triệu USD năm 2015. Tuy nhiên, đây là xu hướng sụt giảm chung của nhiều nhà đầu tư quốc tế tại Campuchia. Mặc dù vậy, trong giai đoạn 2011-2015, Việt Nam luôn nằm trong top 5 nhà đầu tư lớn nhất tại Campuchia với quy mô bình quân mỗi dự án đạt hơn 20 triệu USD. Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, tính đến hết tháng 10/2016, Việt Nam đang có 183 dự án đầu tư tại Campuchia với tổng vốn đăng ký 2,86 tỷ USD. Riêng trong 10 tháng đầu năm 2016, Việt Nam có 08 dự

án được cấp giấy phép đầu tư sang Campuchia với tổng số vốn đăng ký là 29,5 triệu USD. (Xem bảng 2).

Về lĩnh vực đầu tư tại Campuchia, các lĩnh vực thu hút nhiều vốn đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam là nông, lâm nghiệp (54%); năng lượng (27%); tài chính-ngân hàng và bảo hiểm (8,7%); và bưu chính, viễn thông (5,1%). Một số dự án đầu tư lớn của các doanh nghiệp Việt Nam vào Campuchia thời gian qua có thể đến như Dự án Bệnh viện Chợ Rẫy-Phnom Penh (90 triệu USD); Dự án trồng cao su tại Campuchia của Công ty An Đông Mía (80 triệu USD); Dự án Nhà máy sản xuất phân bón Năm Sao Campuchia (65 triệu USD)<sup>(12)</sup>.

Về hiệu quả, phần lớn các dự án đầu tư của Việt Nam ở Campuchia đã đem lại hiệu quả kinh tế xã hội cho cả hai bên. Đối với Việt Nam, các dự án này là cơ hội kinh

**Bảng 2. Các quốc gia đầu tư trực tiếp lớn nhất tại Campuchia (2011 và 2015)**

Thứ tự	2011			2015		
	Quốc gia	Vốn đăng ký (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Quốc gia	Vốn đăng ký (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
1	Trung Quốc	1741,3	30,5	Trung Quốc	856,5	18,6
2	Việt Nam	683,4	11,9	Anh	138,0	3,0
3	Anh	245,1	4,3	Singapore	100,2	2,1
4	Malaysia	239,4	4,2	Việt Nam	88,3	1,9
5	Hàn Quốc	165,8	2,9	Malaysia	74,0	1,6
6	Hoa Kỳ	140,7	2,4	Nhật Bản	58,8	1,2
7	Nhật Bản	65,5	1,1	Thái Lan	54,2	1,1
8	Australia	24,5	0,4	Hàn Quốc	9,6	0,2
9	Singapore	15,9	0,2	Canada	8,7	0,1
10	Các nước khác	2736	0,4	Các nước khác	23,9	0,5

Nguồn: Tổng hợp và tính toán của tác giả dựa trên dữ liệu của Hội đồng phát triển Campuchia (CDC), Ủy ban đầu tư Campuchia (CIB) và Ủy ban khu kinh tế đặc biệt Campuchia (CSEZB).

doanh cho các nhà đầu tư Việt Nam. Đối với Campuchia, các dự án này đã góp phần nhất định vào sự phát triển kinh tế xã hội của Campuchia như đóng góp cho ngân sách nhà nước, tạo ra việc làm với mức thu nhập ổn định cho người lao động.. Có thể kể đến một số dự án điển hình như của Tập đoàn Viễn thông quân đội; Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam (VRG) đầu tư ở Campuchia... Đánh giá về vai trò của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam trong sự phát triển kinh tế xã hội của Campuchia, Phó Thủ tướng Campuchia Yim Chay Ly nói: “Các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại Campuchia đã góp phần cải thiện tình hình lao động ở nước chúng tôi, nhiều người có việc làm. Ngoài ra, các doanh nghiệp cao su Việt Nam xây dựng hệ thống điện, đường, trường, các cơ sở y tế... Các doanh nghiệp Việt Nam đã góp phần tích cực phát triển đất nước Campuchia”<sup>(13)</sup>.

Nói về vấn đề này, phát biểu tại Lễ khánh thành bệnh viện Chợ Rẫy – Phnom

Penh, Thủ tướng Hun Sen khẳng định “... thành quả trong quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư Việt Nam - Campuchia những năm qua và thành công của dự án Bệnh viện Chợ Rẫy - Phnom Penh đã góp phần bồi đắp truyền thống, quan hệ hợp tác hữu nghị tốt đẹp giữa hai đất nước, hai dân tộc Việt Nam - Campuchia”<sup>(14)</sup>.

### **Đầu tư trực tiếp sang Myanmar**

Theo sau những cải cách chính trị-kinh tế quan trọng của Myanmar là sự gia tăng nhanh chóng của vốn FDI đổ vào nước này những năm gần đây. Theo số liệu công bố của Ban quản lý đầu tư và doanh nghiệp Myanmar (DICA), lượng vốn FDI vào Myanmar đã tăng từ 1,9 tỷ USD năm 2010 lên tới 8 tỷ USD năm 2014 và 9,4 tỷ USD năm 2015. Các quốc gia đầu tư lớn nhất tại Myanmar tính đến năm 2015 là Trung Quốc (15,4 tỷ USD), Singapore (11,8 tỷ USD) và Thái Lan (10,3 tỷ USD). Việt Nam đứng ở vị trí thứ 10 trong danh sách các quốc gia đầu tư nhiều nhất vào Myanmar với 10 dự án có tổng giá trị đăng

**Bảng 3. Các nước/lãnh thổ đầu tư trực tiếp lớn nhất tại Myanmar**

(tính đến 12/2015)

Thứ tự	Quốc gia	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
1	Trung Quốc	115	15.418,3	26,1
2	Singapore	189	11.817,6	19,9
3	Thái Lan	90	10.352,3	17,5
4	Hồng Kông	117	7.271,5	12,3
5	Anh	82	4.058,6	6,8
6	Hàn Quốc	122	3.396,4	5,7
7	Malaysia	52	1.662,6	2,8
8	Hà Lan	13	981,9	1,6
9	Ấn Độ	22	730,6	1,2
10	Việt Nam	10	691,5	1,1

Nguồn: Tổng hợp và tính toán của tác giả dựa trên số liệu từ Ban Quản lý đầu tư và doanh nghiệp (DICA) của Myanmar.

ký đạt gần 700 triệu USD (xem bảng 3). Đáng chú ý, đầu tư của Việt Nam vào Myanmar là cao nhất trong năm 2012 (đạt gần 320 triệu USD) sau khi Myanmar kết thúc giai đoạn cầm quyền của chính quyền quân sự và thay thế bằng chính quyền dân sự. (Xem bảng 3).

Phần lớn các dự án của doanh nghiệp Việt Nam tại Myanmar tập trung vào lĩnh vực xây dựng và dịch vụ lưu trú. Trong đó, chỉ riêng dự án xây dựng tổ hợp mua sắm, văn phòng và chung cư với vốn đăng ký hơn 400 triệu USD của Hoàng Anh Gia Lai tại thành phố Yangon đã chiếm đến trên 60% tổng vốn đầu tư của Việt Nam sang Myanmar. Ngoài ra, đầu tư của Việt Nam sang Myanmar còn bao gồm một số dự án đầu tư khác với quy mô nhỏ hơn của Tập đoàn VNPT, Tập đoàn FPT trong lĩnh vực viễn thông hay dự án xây dựng nhà ở của Công ty địa ốc Hòa Bình.

Nhìn chung, các dự án đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại Myanmar được Chính phủ nước này đánh giá cao về chất lượng, thời gian thực hiện dự án và tuân thủ tốt các chính sách pháp luật. Myanmar là nước giàu tài nguyên khoáng sản, Việt Nam và Myanmar có mối quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, người dân Myanmar rất ưa thích các sản phẩm của Việt Nam, nhất là các sản phẩm liên quan đến lĩnh vực y tế, dược phẩm, đồ tiêu dùng và những mặt hàng phục vụ lĩnh vực nông nghiệp. Để khuyến khích thu hút các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và doanh nghiệp nước ngoài nói chung, Myanmar đang áp dụng chính sách miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 5 năm đầu cho các doanh nghiệp nước ngoài. Doanh nghiệp đầu tư tại Myanmar cũng được sử

dụng 75% lao động nước ngoài trong 2 năm đầu tiên, từ năm thứ 3 giảm xuống 50% và sau đó giảm tiếp còn 25%. Ngoài ra, Việt Nam và Myanmar đã ký Hiệp định khuyến khích bảo hộ đầu tư và tránh đánh thuế hai lần, đồng thời cùng tham gia Hiệp định đầu tư ASEAN. Việc phối hợp phát triển hành lang kinh tế Đông – Tây cũng đang được hai nước chú trọng, tạo thuận lợi cho quá trình đầu tư cho doanh nghiệp hai nước. Đây là điều kiện tốt thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam sang đầu tư tại Myanmar.

Như vậy, các doanh nghiệp Việt Nam đã bắt đầu đầu tư đa dạng hóa các khoản đầu tư của mình cho nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau tại các quốc gia ASEAN, nhất là Lào và Campuchia. Điều này khẳng định chính sách đầu tư ra nước ngoài và các biện pháp khuyến khích hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam đã có những tác động tích cực đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam. Các kết quả đạt được còn là minh chứng cho sự lớn mạnh của các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Vốn đầu tư từ phía Việt Nam vào các quốc gia ASEAN cũng được đánh giá là góp phần vào tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương; vào phát triển kinh tế-xã hội địa phương thông qua việc xây dựng trường học, phòng khám, bệnh viện, đường và khu nhà ở cho những người thu nhập thấp, góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa Việt Nam và các quốc gia ASEAN.

Tuy nhiên, hoạt động đầu tư sang ASEAN nói chung và CLM nói riêng của các doanh nghiệp Việt Nam còn nhiều hạn

chế, khó khăn. Điều này xuất phát từ bản thân doanh nghiệp cũng như từ nước sở tại. Trong đó, hạn chế lớn nhất là việc triển khai dự án còn chậm, vốn đầu tư thực hiện vẫn còn thấp, chẳng hạn chưa đến 40% tại Lào. Ngoài ra, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam chưa có tính liên kết cao với nhau, đồng thời các doanh nghiệp chưa chú trọng đúng mức đến vấn đề môi trường trong quá trình đầu tư. Ngoài ra, tuy quy mô bình quân mỗi dự án tăng lên nhưng vẫn là tương đối nhỏ nếu so với các quốc gia khác như Thái Lan hay Trung Quốc, phản ánh năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam còn chưa cao.

### 3. Một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị giải pháp

Về mặt lý thuyết, sự kiện thành lập AEC cuối năm 2015 được kỳ vọng tạo ra nhiều cơ hội mở rộng hoạt động đầu tư cho các doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường các quốc gia ASEAN, đặc biệt nhóm nước Campuchia, Lào và Myanmar (CLM).

Với AEC, xuất khẩu nội khối giữa các thành viên ASEAN thuận lợi hơn kéo theo nhu cầu thu hút vốn FDI tăng lên, kết hợp với các rào cản bảo hộ thương mại và đầu tư được dỡ bỏ đáng kể trong AEC tạo điều kiện tiếp cận thị trường các quốc gia ASEAN dễ dàng hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam. Cùng với đó, sự tăng trưởng nhanh chóng của nhu cầu tiêu dùng tại các nước ASEAN tạo thêm nhiều cơ hội, động lực để doanh nghiệp Việt Nam gia tăng đầu tư vào thị trường 600 triệu dân này nhằm phát huy hiệu quả kinh tế theo quy mô cũng như tham gia sâu hơn vào chuỗi liên kết sản xuất, phân phối hàng hóa và

dịch vụ giữa các quốc gia ASEAN. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam tự tin hơn khi đầu tư vào thị trường ASEAN nhờ việc được hưởng đối xử bình đẳng và công bằng hơn trong hoạt động đầu tư, được bảo vệ trước các hành vi quốc hữu hóa bất hợp pháp như quy định trong ACIA.

Ngoài ra, việc lao động kỹ năng được phép di chuyển tự do giữa các quốc gia thành viên giúp doanh nghiệp Việt Nam có thể tuyển dụng được nguồn lao động chất lượng hơn, góp phần cải thiện năng lực cạnh tranh của mình tại thị trường các nước ASEAN. Tác động tích cực khác mà AEC có thể mang lại cho doanh nghiệp Việt Nam khi đầu tư ra nước ngoài chính là việc học hỏi kinh nghiệm quản lý, tiếp cận khoa học công nghệ tiên tiến tại nước ngoài, nhất là tại các nước phát triển hơn như Thái Lan và Malaysia.

Tuy nhiên, những khó khăn, thách thức doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt khi đầu tư sang các nước ASEAN trong khuôn khổ AEC cũng là không nhỏ. Thách thức lớn nhất là hạn chế về khả năng cạnh tranh, mở rộng sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam. Theo dữ liệu thống kê gần đây, có đến 50% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất ở Việt Nam là doanh nghiệp vừa và nhỏ<sup>(15)</sup>, năng lực quản trị, kỹ năng kinh nghiệm quản lý và năng lực công nghệ còn hạn chế, lại chưa có chiến lược truyền thông và xúc tiến thương mại, đầu tư hợp lý tại thị trường các quốc gia ASEAN.

Thách thức thứ hai là việc các doanh nghiệp Việt Nam dường như chưa dành sự chú ý, quan tâm đúng mức đến AEC. Cuộc khảo sát gần đây do Viện Nghiên cứu



Đông Nam Á ở Singapore tiến hành cho thấy, chỉ 30% doanh nghiệp của Việt Nam có nhận thức đầy đủ về AEC để từ đó xây dựng và thực hiện các kế hoạch đầu tư kinh doanh phù hợp<sup>(16)</sup>. Nói cách khác, các doanh nghiệp Việt Nam chưa có được sự chuẩn bị tốt cho quá trình hội nhập vào AEC, tác động tiêu cực đến triển vọng đầu tư của doanh nghiệp sang các nước ASEAN những năm tới.

Thách thức thứ ba là chính sách đầu tư ra nước ngoài và các hình thức hỗ trợ, khuyến khích cho doanh nghiệp của Việt Nam còn nhiều hạn chế, bất cập. Các thủ tục cấp đăng ký và cấp phép đầu tư ra nước ngoài cho doanh nghiệp còn rườm rà, mất nhiều thời gian. Ngoại trừ Lào và Campuchia, khi đầu tư sang thị trường ASEAN, doanh nghiệp Việt Nam chưa có được sự hỗ trợ cần thiết về thông tin, luật lệ và văn hóa kinh doanh, tiêu dùng tại các nước ASEAN. Đặc biệt, hoạt động xúc tiến đầu tư tại thị trường các nước ASEAN vừa thiếu lại vừa không có sự thu hút, phối hợp chặt chẽ với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam cũng như với chính quyền sở tại.

Những thách thức khác liên quan đến điều kiện, môi trường đầu tư kinh doanh tại các nước ASEAN còn yếu kém. Phần lớn các nước ASEAN mà đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tập trung như Lào, Campuchia và Myanmar đều đang thiếu hụt nguồn nhân lực có lao động kỹ năng, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ phụ trợ liên quan. Thí dụ, cuộc khảo sát doanh nghiệp của Viện nghiên cứu Đông Nam Á ở Singapore cho thấy trên 60% doanh nghiệp tại Myanmar phàn nàn họ đang thiếu hụt trầm trọng lao động kỹ năng, trong khi đầu tư cho giáo dục chỉ chiếm

chưa đầy 2% ngân sách hàng năm của Chính phủ<sup>(17)</sup>.

Để tận dụng tốt hơn những cơ hội cũng như hạn chế tối đa những rủi ro, thách thức mà AEC mang lại cho hoạt động đầu tư sang các quốc gia thành viên ASEAN của doanh nghiệp Việt Nam, về phía Chính phủ, cần rà soát lại những chính sách chưa phù hợp và còn gây khó khăn cho doanh nghiệp khi đầu tư ra nước ngoài. Trong công tác quản lý, cần tăng cường các biện pháp chế tài về thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ hàng quý, thậm chí hàng tháng của các doanh nghiệp để có cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các dự án đầu tư sang ASEAN. Cùng với đó, các cơ quan quản lý nhà nước với cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong việc cung cấp các thông tin hữu ích kịp thời. Chính phủ Việt Nam cũng cần có các chính sách hỗ trợ nguồn vốn đầu tư, nhất là các quỹ phúc lợi quốc gia cũng như các ưu đãi về thuế cho doanh nghiệp cao hơn hiện nay. Đồng thời, hoàn thiện các cơ chế chính sách về hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các nước ASEAN nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam ở nước sở tại thời gian tới.

Về phía doanh nghiệp, nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng nhất là nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Theo đó, các doanh nghiệp cần tập trung cải tổ bộ máy điều hành, cải tiến trình độ sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực thông qua phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, hướng nghiệp ở Việt Nam cũng như các quốc gia ASEAN để tuyển dụng, đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động. Trong quá

trình sản xuất kinh doanh tại các nước ASEAN, các doanh nghiệp Việt Nam cần tăng cường liên kết với các nhà sản xuất phụ trợ, phân phối nội địa có uy tín, thực lực nhằm cắt giảm chi phí sản xuất cũng như phân tán rủi ro trong trường hợp thị trường có những biến động bất ngờ. Vai trò của Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam tại các quốc gia thành viên ASEAN trong các hoạt động thúc đẩy, quản lý dự án đầu tư của Việt Nam ở những nước này cũng cần được nâng cao và phát huy hơn nữa. Cuối cùng, bên cạnh việc nghiên cứu thị trường, văn hóa kinh doanh bản địa của các nước ASEAN kỹ lưỡng, các doanh nghiệp Việt Nam cần có các khảo sát, đánh giá nghiêm túc những tác động về môi trường, xã hội của các dự án nhằm tránh các rủi ro như dự án bị phản đối, đình trệ hoặc chấm dứt giữa chừng./.

## CHÚ THÍCH

- Hà Văn Hội (2013), *Tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN và những tác động đến thương mại quốc tế của Việt Nam*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh, tập 29, số 4, 44-53.
- Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI, *Tóm lược Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA)*. <http://trungtamwto.vn/cachiepdingkhac/hiiep-dinh-dau-tu-toan-dien-asean-acia>, truy cập ngày 10/2/2017.
- ASEAN Secretariat (2009), *ASEAN Economic Community Blueprint*, Jakarta: ASEAN Secretariat.
- Nguyễn Văn Hà (2013), *Hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN và tác động đến Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Minh Phương (2014), *Tự do hóa đầu tư trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và sự tham gia của Việt Nam*, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. <http://dl.ueb.vnu.edu.vn/bitstream/1247/8894/1/Nguyen%20Thi%20Minh%20Phuong.pdf>, truy cập ngày 10/2/2017.
- Trương Tiến Sĩ (2009), *20 năm đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam: Thực trạng và triển vọng*, Tạp chí Công nghệ ngân hàng, Số 37, 4/2009.
- Trần Nam Trung (2016), *Quản Lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Campuchia*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 8, 04/2016.
- Đầu tư ra nước ngoài – Cơ hội tăng tốc*, Báo Công Thương Điện Tử. <http://bacongthuong.com.vn/dau-tu-ra-nuoc-ngoai-co-hoi-tang-toc.html>, truy cập ngày 12/2/2017.
- Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam.
- Tổng hợp và tính toán của tác giả từ dữ liệu thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam.
- Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào- AVIL (2016), *"Báo cáo tình hình hợp tác kinh tế Việt Nam-Lào giai đoạn 2011-2015 và định hướng hợp tác giai đoạn 2016-2020"*, xem thêm tại <http://avil.com.vn/>, truy cập ngày 7/6/2016.
- Lê Minh Điển (2016), *"Thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Campuchia giai đoạn 2016-2020"*, <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/92-6012-thuc-day-hop-tac-kinh-te-thuong-mai-va-dau-tu-giua-viet-nam-va-campuchia-giai-doan-2016-2020.html>, truy cập ngày 8/6/2016.
- Theo bài *Campuchia bác bỏ cáo buộc các doanh nghiệp Việt Nam phá rừng đàng trên website*: <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20130607/campuchia-bac-bo-cao-buoc-cac-doanh-nghiep-viet-nam-pha-rung.aspx>

14. Theo bài *Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng dự Lễ khánh thành Bệnh viện Chợ Rẫy - Phnom Penh* đăng trên website: [http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co\\_id=20207&cn\\_id=631183](http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=20207&cn_id=631183)
15. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (2016), *AEC – Sân chơi mới cho doanh nghiệp Việt Nam*. [http://itpc.hochiminhcity.gov.vn/exporters/tips\\_and\\_tools/tools/checklist\\_or\\_manuals/luong\\_mai\\_tu\\_do/Asean/aec\\_san\\_choi\\_moi\\_cho\\_dn\\_vn](http://itpc.hochiminhcity.gov.vn/exporters/tips_and_tools/tools/checklist_or_manuals/luong_mai_tu_do/Asean/aec_san_choi_moi_cho_dn_vn), truy cập ngày 20/2/2017.
16. Phạm Thị Bích Ngọc (2014), *AEC – Sân chơi mới cho Việt Nam*, Tạp chí Con số và Sự kiện, số 7/2014.
17. Cullen Hendrix and Marcus Noland (2015), *Myanmar: Cross-Cutting Governance Challenges*, Asian Development Bank Working Paper Series 15-2.
6. Hà Văn Hội (2013), *Tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN và những tác động đến thương mại quốc tế của Việt Nam*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh, tập 29, số 4, 44-53.
7. Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào- AVIL (2016), *Báo cáo tình hình hợp tác kinh tế Việt Nam-Lào giai đoạn 2011-2015 và định hướng hợp tác giai đoạn 2016-2020*.
8. Phạm Thị Bích Ngọc (2014), *AEC – Sân chơi mới cho Việt Nam*, Tạp chí Con số và Sự kiện, số 7/2014.
9. Nguyễn Thị Minh Phương (2014), *Tự do hóa đầu tư trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và sự tham gia của Việt Nam*, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. <http://dl.ueb.vnu.edu.vn/bitstream/1247/8894/1/Nguyen%20Thi%20Minh%20Phuong.pdf>, truy cập ngày 10/2/2017.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ASEAN Secretariat (2009), *ASEAN Economic Community Blueprint*, Jakarta: ASEAN Secretariat.
2. *Đầu tư ra nước ngoài – Cơ hội tăng tốc*, Báo Công Thương Điện Tử. <http://bacongthuong.com.vn/dau-tu-ra-nuoc-ngoai-co-hoi-tang-toc.html>, truy cập ngày 12/2/2017.
3. Lê Minh Điển (2016), *Thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Campuchia giai đoạn 2016-2020*. <http://kinhthevadubao.vn/chi-tiet/92-6012-thuc-day-hop-tac-kinh-te-thuong-mai-va-dau-tu-giua-viet-nam-va-campuchia-giai-doan-2016-2020.html>, truy cập ngày 12/2/2017.
4. Nguyễn Văn Hà (2013), *Hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN và tác động đến Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Cullen Hendrix and Marcus Noland (2015), *Myanmar: Cross-Cutting Governance Challenges*, Asian Development Bank Working Paper Series 15-2.
10. Trần Nam Trung (2016), *Quản Lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Campuchia*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 8, 04/2016.
11. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (2016), *AEC – Sân chơi mới cho doanh nghiệp Việt Nam*. [http://itpc.hochiminhcity.gov.vn/exporters/tips\\_and\\_tools/tools/checklist\\_or\\_manuals/luong\\_mai\\_tu\\_do/Asean/aec\\_san\\_choi\\_moi\\_cho\\_dn\\_vn](http://itpc.hochiminhcity.gov.vn/exporters/tips_and_tools/tools/checklist_or_manuals/luong_mai_tu_do/Asean/aec_san_choi_moi_cho_dn_vn), truy cập ngày 20/2/2017.
12. Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI, *Tóm lược Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA)*. <http://trungtamwto.vn/cachiepdingkhac/hiiep-dinh-dau-tu-toan-dien-asean-acia>, truy cập ngày 10/2/2017.
13. Trương Tiến Sĩ (2009), *20 năm đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam: Thực trạng và triển vọng*, Tạp chí Công nghệ ngân hàng, Số 37, 4/2009.